TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2021/HS-ST
Ngày: 15-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - TP. H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 15/10/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

- VUH (tên gọi khác /), sinh năm 1991 tại TQ; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 60/31 LS, Phường A, Quận M, Thành phố H; Nơi cư trú: 65 CG, phường COL, Quận M, Thành phố H (qua xác minh thực tế không có tạm trú); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Nghề nghiệp: kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông VV sinh năm 1960 và con bà SK, sinh năm 1960; chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 (Có mặt).

- TNCC, sinh năm 1992 tại Thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1683-1685 PTH, Phường A, Quận T, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông TĐH, sinh năm 1966 và con bà NCTN, sinh năm 1968; chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông MĐH, sinh năm 1999; địa chỉ: 36/3B khu phố 3, phường TTH, Quận H, Thành phố H (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bà LTTH, sinh năm 1994; địa chỉ: 373/79/49 LTK, Phường C, quận TB, Thành phố H (Vắng mặt).

- Bà TTTL, sinh năm 2001; địa chỉ: 38 DT, phường COL, Quận M, Thành phố H (Vắng mặt).

- Ông NTH, sinh năm 1991; địa chỉ: 103/1 TH, Phường B, Quận S, Thành phố H (Vắng mặt).

- Bà TCNT, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: E2/33G ấp 5, xã PP, Hện BC, Thành phố H (Có mặt).

- Bà ĐTQA, sinh năm 1982; địa chỉ: 15 Đường 3A, khu dân cư 13E, ấp 5, xã P, Hện C, Thành phố H (Vắng mặt).

- Ông NVT, sinh năm: 1972; địa chỉ: 1107/74 PTH, Phường L, Quận T, Thành phố H (Vắng mặt).

- Ông NCH, sinh năm 1977; địa chỉ: 621B BĐ, Phường C, Quận T, Thành phố H (Vắng mặt).

- Ông TĐH, sinh năm 1966; địa chỉ: 1683-1685 PTH, Phường S, Quận T, Thành phố H (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo TNCC: Luật sư Trịnh Bá Thân – Luật sư Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 22/11/2020, VUH, TNCC, TTTL, NTH, TCNT, CTT, HDĐ đến chơi tại quán Bar Yolo, đường THĐ, Quận M, Thành phố H. Tại quán Bar, H rủ C mua ma túy để sử dụng, sẽ chia tiền lại với C sau, nghĩa là trả lại C phân nửa số tiền mà C đã bỏ ra mua ma túy, C đồng ý. C gặp một người thanh niên trong quán Bar (không rõ lai lịch) mua 02 viên nén màu hồng loại MDMA và 01 gói ma túy khay loại Ketamine với giá tiền 2.500.000 đồng. H dự định sẽ trả lại cho C 1.250.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, C đưa H nửa viên nén để sử dụng, C sử dụng hơn ¼ viên nén (còn lại mảnh vụn). Số ma túy còn lại, C cất giữ. Việc H và C sử dụng ma túy tại quán Bar, chỉ có H và C biết.

Đến khoảng 01 giờ ngày 23/11/2020, cả nhóm ra về. H mời cả nhóm đến căn nhà do H thuê tại địa chỉ 193 HTP, phường Đ, Quận B, Thành phố H để tiếp tục ăn nhậu. H nói C mang số ma túy còn lại về nhà, cả hai ngầm hiểu là để sử dụng tiếp. Việc C mang ma túy về nhà H để H và C sử dụng, chỉ có H và C biết, những người khác đi cùng không biết. Trên đường về nhà H, C điện thoại cho MĐH đến để lắp loa, đèn nghe nhạc để phục vụ cho cả nhóm ăn nhậu. Ngoài ra, H gọi điện thoại rủ bạn là LTTH đến nhà H nhậu.

Trên đường đi về nhà H, C chạy xe gắn máy biển số 59XX-5XXXX ghé vào nhà C lấy 01 dĩa sành màu trắng, 02 ống cuộn tròn, 01 thẻ nhựa để sử dụng ma túy. Khoảng 02 giờ cùng ngày, TNCC, TTTL, đến nhà H. Tại lầu 5 của căn nhà, trong phòng số 5 còn có 01 phòng ngủ, C đổ ma túy ra dĩa, và lấy cái mềm phủ lên. L bước vào phòng sau, L thấy sẵn ma túy trên giường. C hỏi L biết sử dụng ma túy không, L trả lời không biết nên C bỏ ra ngoài. Sau đó, MĐH đến lắp loa, đèn. Trong lúc đang lắp, LTTH đến.

Trong lúc mọi người không để ý, L lén lấy 01 mẩu vụn của viên nén ma túy sử dụng. H và C khai không biết việc L sử dụng ma túy. L cũng khai xác nhận việc L sử dụng ma túy không ai biết.

NTH, TCNT cũng đến nhà H nhưng khi đến nơi chưa thấy có đồ ăn và thức uống nên cả hai không vào phòng mà bước xuống cầu thang ra về thì gặp đội

Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận B kiểm tra căn nhà địa chỉ 193 HTP, phường Đ, Quận B, phát hiện có VUH, TNCC, MĐH, LTTH, TTTL đang ở trong phòng 5, lầu 5 căn nhà trên. Thu giữ trên giường ngủ trong phòng 01 gói nylon bên trong có 01 viên nén màu hồng và chất bột màu trắng đặt trong dĩa sành, là ma túy. Khi Công an đến kiểm tra thì H và C chưa sử dụng được ma túy tại căn hộ.

Qua kiểm tra, VUH, TNCC, TTTL, LTTH dương tính với ma túy. MĐH, NTH, TCNT âm tính với ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, VUH, TNCC khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT- VKSQ7 ngày 18/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H đã truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử các bị cáo VUH, TNCC phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo VUHvà TNCC từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo TNCC trình bày:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì việc truy tố, xét xử bị cáo TNCC về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức đầu khung của hình phạt đối với bị cáo TNCC.

Các bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ chất ma túy phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo TNCC, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an

Quận B, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận B Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào Kết luận giám định số 1991/KLGĐ – H ngày 30/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo VUH, TNCC đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, bị bắt quả tang thu giữ 0,6423g loại Ketamine và 01 viên nén màu hồng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4069g loại MDMA. Vì vậy, các bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận B truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nguy hiểm vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng để có ma túy thỏa mãn cơn nghiện nên đã phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo VUH khai nhận đã rủ bị cáo TNCC sử dụng ma túy tại nhà của VUHđược 1-2 lần. Ngày 22/11/2020, tại quán Bar, bị cáo VUH là người rủ rê kêu bị cáo TNCC đi mua ma túy về sử dụng, cũng là người kêu C mang ma túy về nhà H để cả hai tiếp tục sử dụng ma túy, nên cần phải có mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo TNCC mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận B và Luật sư bào chữa cho bị cáo TNCC đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu, là không đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi, hoàn cảnh gia đình khó khăn do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Đối với TTTL khai nhận L đi cùng với C đến nhà H nhằm mục đích để tiếp tục ăn nhậu vui chơi, không đến nhà H để sử dụng ma túy. Khi L vào phòng, đã thấy ma túy trong phòng. Vì tò mò nên L có lén lấy mẩu vụn của viên nén để sử dụng. Việc L sử dụng ma túy, H và C không biết. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra lập hồ sơ xử lý hành chính đối với TTTL là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

LTTH khai nhận H rủ Hồng qua nhà để ăn uống, H không rủ đến nhà để sử dụng ma túy. Hồng không biết ma túy trong phòng là của ai, Hồng không sử dụng

ma túy tại nhà H. Hồng dương tính với ma túy do trước khi đến nhà H, Hồng đã có sử dụng ma túy, nên Cơ quan cảnh sát điều tra lập hồ sơ xử lý hành chính là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

MĐH làm nghề cho thuê loa đèn, đăng quảng cáo trên mạng xã hội Facebook, Zalo. TNCC hỏi thuê bộ loa đèn của H và H đồng ý cho thuê với giá 500.000 đồng. C không nói cho H biết việc lắp đặt để làm gì. H lắp loa đèn để lấy tiền cho thuê. Khi Công an vào kiểm tra, H mới thấy ma túy trên dĩa. H không sử dụng ma túy. Qua kiểm tra, H âm tính với ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn nhà địa chỉ 193 HTP, phường Đ, Quận B, Thành phố H do VUH thuê của bà ĐTQA với giá 45.000.000 đồng/tháng sau đó ngăn phòng và cho người khác thuê trọ, H là người làm chủ và quản lý căn nhà trên. Đây là lần đầu tiên H rủ bạn bè đến nhà chơi. Bà QA không biết việc H và C mang ma túy về để sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với NTH và TCNT khai nhận: cả hai được H rủ về nhà để tiếp tục ăn uống vui chơi, không có được H rủ đến để sử dụng ma túy. Kết quả kiểm tra, cả hai âm tính với ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B, Thành phố H không xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng vụ án:

- 01 gói nylon bên trong có 01 viên nén và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng. Theo kết luận giám định số 1991/KLGĐ-H ngày 30/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H, kết luận: "Bột màu trắng được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6423g loại Ketamine; 01 viên nén màu hồng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4069g loại MDMA", xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 dĩa sành màu trắng; 02 ống giấy cuộn tròn; 01 thẻ nhựa, dùng để sử dụng ma túy, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 đèn màu trắng hiệu Aurora-Projector; 01 đèn màu đen hiệu Lasersystem-Ly-RGB5A3D; 01 loa màu đen, các bị cáo thuê của ông MĐH, ông H không biết các bị cáo thuê để sử dụng ma túy nên xét để trả lại cho ông H

- 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max màu vàng, imei: 357261091865888 của VUH, bị cáo không sử dụng để phạm tội nên xét trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max màu vàng, imei: 353096101860774 của TNCC. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai dùng điện thoại để gọi cho MĐH đến lắp nhạc với mục đích cùng với H tiếp tục sử dụng ma túy và cùng với các đối tượng khác tiếp tục việc ăn nhậu, nên xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe máy hiệu SH 150i màu bạc, đen, biển số XXL2- 5XXXX của TNCC. Qua xác minh, xe do ông NVT đứng tên chủ sở hữu. Tại Hợp đồng ủy quyền số 002237, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/3/2019 của Văn phòng Công chứng Quận 8, Thành phố H, ông NVT ủy quyền cho ông NCH được quyền bán xe. Do vậy, ngày 26/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Thịnh Vượng, ông NCH đã ký hợp đồng mua bán xe số 00004853, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD với bị cáo TNCC. Nhưng sau đó bị cáo C chưa làm các thủ tục tiếp

theo quy định của pháp luật về đăng ký xe gắn máy. Các đương sự không có tranh chấp gì đối với việc mua bán này. Tại phiên tòa, ông TĐH trình bày toàn bộ số tiền mà C dùng để mua chiếc xe gắn máy trên là của ông, nay ông xin nhận lại chiếc xe trên, Hội đồng xét xử xét thấy: ông Hùng đưa ra lời trình bày nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh, mặc khác việc mua bán chiếc xe trên do C trực tiếp giao dịch tại Văn phòng Công chứng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông Hùng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa, bị cáo C khai: tại quán Bar, bị cáo H rủ C về nhà nhậu tiếp và kêu C mang số ma túy còn lại đem về nhà H luôn. Từ quán Bar, bị cáo C dùng xe này quay về nhà bị cáo C lấy các dụng cụ sử dụng ma túy rồi chạy đến nhà H như đã hẹn trước, xét chiếc xe máy hiệu SH 150i màu bạc, đen, biển số XXL2- 5XXXX là phương tiện để bị cáo C phạm tội nên xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt: Bị cáo VUH01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2020.

2. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt: Bị cáo TNCC 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2020.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon bên trong có 01 viên nén và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, 01 dĩa sành màu trắng; 02 ống giấy cuộn tròn; 01 thẻ nhựa, dùng để sử dụng ma túy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max màu vàng, imei: 353096101860774; 01 xe máy hiệu SH 150i màu bạc, đen, biển số XXL2-5XXXX, số khung 2507GY0215XXX0, số máy KF25E00XXX04.

- Trả lại cho ông MĐH 01 đèn màu trắng hiệu Aurora-Projector; 01 đèn màu đen hiệu Lasersystem-Ly-RGB5A3D; 01 loa màu đen.

- Trả lại cho bị cáo VUH 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max màu vàng, imei: 357261091865888;

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 82 ngày 05/5/2021 và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 102 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B).

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố H. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nơi nhận:
- TAND Tp. H;
- VKSND Quận B;
- Công an Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Sở Tư pháp Quận B;
- Các Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu sổ án;
- Lưu hồ sơ (TK. Trang).

Trần Thị Ngọc Phương